

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS PHÚC ĐỒNG

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I- KHỐI 7
NĂM HỌC 2021- 2022

MÔN VĂN

I. NỘI DUNG ÔN TẬP:

PHÂN MÔN	NỘI DUNG	YÊU CẦU
VĂN BẢN	- “Bạn đến chơi nhà” - “Cảnh khuya” - “Tiếng gà trưa”	Nắm vững tri thức đọc hiểu, biết khai thác giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật, cảm thụ chi tiết... của các tác phẩm
TIẾNG VIỆT	- Từ đồng nghĩa - Từ trái nghĩa - Từ đồng âm - Biện pháp tu từ: Điệp ngữ	Hiểu, vận dụng thực hành luyện tập các dạng bài tập nhận biết, phân tích tác dụng ...
TẬP LÀM VĂN	Văn biểu cảm	Nắm vững kĩ năng viết bài văn, vận dụng thành thạo kĩ năng viết để tạo lập văn bản.

II. HÌNH THỨC VÀ CÁC DẠNG BÀI KIỂM TRA

Phần 1(5đ): Cho một đoạn ngữ liệu về 1 trong 3 văn bản trên.

Câu 1: (1,5đ) Tác giả, thể loại, phương thức biểu đạt.

Câu 2: (1,5đ) Nội dung hoặc ý nghĩa

Câu 3 (1,5đ) Lý thuyết về TV và giải nghĩa hoặc đặt câu nêu tác dụng.

Câu 4: (0,5đ): Câu liên hệ.

Phần 2: TLV (5đ): Văn biểu cảm về tác phẩm văn học đã học trong chương trình

III. LUYỆN TẬP

Câu 1: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

*"Đã bấy lâu nay, bác tới nhà,
Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.
Ao sâu nước cả, khôn chài cá,
Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà."*

(Ngữ văn 7- tập 1, trang 104)

- a) Xác định thể thơ của bài thơ? Tác giả là ai? Nêu phương thức biểu đạt chính của bài thơ.
- b) Nêu nội dung chính của bài thơ.
- c) Tìm từ trái nghĩa cho các từ sau: trẻ, rộng và đặt câu với các từ trái nghĩa vừa tìm được.
- d) Theo em, tình bạn có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống của mỗi con người?

Câu 2: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

*"Tiếng suối trong như tiếng hát xa
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà"*

(Ngữ văn 7- tập 1, trang 140)

- a) Bài thơ thuộc thể thơ gì? Do ai sáng tác? Nêu phương thức biểu đạt chính.
- b) Hai câu thơ cuối bài đã biểu hiện tâm trạng gì của tác giả?
- c) Chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ trên.
- d) Từ bài thơ trên em hiểu gì về con người của tác giả?

Câu 3: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

*"Trên đường hành quân xa
Dừng chân bên xóm nhỏ
Tiếng gà ai nhảy ổ:
"Cục...cục tác cục ta"
Nghe xao động nắng trưa
Nghe bàn chân đỡ mỏi
Nghe gọi về tuổi thơ"*

(Ngữ văn 7- tập 1)

- a) Đoạn thơ trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai ? Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

- b) Khái quát nội dung khổ thơ trên bằng một câu văn ?
 c) Xác định biện pháp nghệ thuật được sử dụng thông qua các từ in đậm và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó?
 d) Tình cảm gia đình có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi con người?
-

MÔN TIẾNG ANH

A. Vocabulary: From unit 1 to unit 6

B. Grammar:

1. Tenses: present simple, future simple, past simple and present perfect (form, signal words)
2. Compound sentences with *and, but, or, so*
3. Verbs of liking/ disliking: like/ love/ enjoy/ hate + V-ing
4. Structures: S + find + doing sth + Adj
 S + think (that) + doing sth + is + Adj.
5. Imperative with "less" and "more"
5. Comparisons: (not) as ... as, the same as, different from
6. Express agreement: too/ either
7. Countable and uncountable nouns; How many/ How much
8. Quantifiers: a/ an, some, any;
9. The passive voice: The present simple passive, The past simple passive.

C. Pronunciation: Sounds: /ə/; /ɜ:/; /f/; /v/; /g/; /k/; /ʃ/; /z/; /ɒ/; /ɔ:/; /tʃ/; /dʒ/

D. Type of exercise

- Choose the word whose underlined part is pronounced differently
- Choose the word **which does not belong to each group**
- Choose the best answer to complete the sentences.
- Choose the word or phrase that needs correcting.
- Rewrite the sentences as directed
- Read a passage then choose the best answer to complete the passage
- Read a passage then choose the best answer for each question

E. Exercises:

I. Find the word which has a different sound in the part underlined

- | | | | |
|-----------------------|-------------------|---------------------|-------------------|
| 1. A. <u>better</u> | B. <u>prefer</u> | C. <u>teacher</u> | D. <u>worker</u> |
| 2. A. <u>concert</u> | B. <u>concern</u> | C. <u>collect</u> | D. <u>combine</u> |
| 3. A. <u>first</u> | B. <u>girl</u> | C. <u>bird</u> | D. <u>sister</u> |
| 4. A. <u>knife</u> | B. <u>of</u> | C. <u>leaf</u> | D. <u>life</u> |
| 5. A. <u>although</u> | B. <u>enough</u> | C. <u>paragraph</u> | D. <u>cough</u> |

- | | | | |
|-------------------|----------------|---------------|-------------|
| 6. A. headache | B. architect | C. chemical | D. children |
| 7. A. aerobics | B. calories | C. cycling | D. doctor |
| 8. A. collection | B. tradition | C. exhibition | D. question |
| 9. A. usually | B. leisure | C. version | D. composer |
| 10. A. closure | B. leisure | C. pleasure | D. sure |
| 11. A. essential | B. traditional | C. picture | D. audition |
| 12. A. discussion | B. vision | C. treasure | D. decision |

II. Find which word does not belong to each group.

- | | | | |
|-----------------|----------------|--------------|------------------|
| 1. A. junk food | B. fruits | C. fish | D. vegetable |
| 2. A. healthy | B. fit | C. well | D. sick |
| 3. A. soccer | B. badminton | C. beef | D. basketball |
| 4. A. common | B. favorite | C. unusual | D. popular |
| 5. A. like | B. love | C. enjoy | D. hate |
| 6. A. album | B. stamps | C. mountain | D. collector |
| 7. A. gardening | B. skating | C. climbing | D. horse-riding |
| 8. A. newspaper | B. reporter | C. collector | D. gardener |
| 9. A. donate | B. rubbish | C. blood | D. money |
| 10. A. bank | B. environment | C. community | D. neighbourhood |

III. Give the correct form of verbs

1. He sometimes (meet) his friends for coffee.
2. She (leave) her house for Ho Chi Minh city next Friday
3. My friends enjoy (eat) out.
4. She doesn't like (live) in the city. She (move) to the countryside next year..
5. My father (not play) any sport for 5 years.
6. The students (not go) to school since Sunday
7. The Greens (be) to many countries in the world so far.
8. We (go) to that village to do volunteer work last week
9. My uncle (move) to Da Lat in 2005.
10. My parents (buy) this house 20 years ago.
11. One-pillar pagoda (build) in winter of 1049.
12. Huong Pagoda (visit) by thousands of tourists every year.

IV. Choose the best answer to complete the sentences

1. Mum, I lost my shoes yesterday. – Don't worry. I you the new ones tomorrow.
A. will buy B. buy C. buys D. buying
2. If you eat that strange food, you may get a/an
A. backache B. allergy C. fever D. temperature

3. My father hates coffee. He prefers tea.
A. to drink B. drink C. drinks D. drinking
4. Your eyes will feel dry if you watch TV read comic books a lot.
A. and B. but C. though D. so
5. Beethoven a lot of songs.
A. composes B. composed C. has composed D. compose
6. The doctor advised him to play sports and computer games.
A. more/less B. less/ more C. less/ less D. more/ more
7. Jack spends almost his time staring at his smartphone, he is very short-sighted.
A. and B. or C. but D. so
8. My father loved horse-riding when he was young.
A. doing B. going C. playing D. taking
9. They to that village to do volunteer work several times.
A. went B. go C. going D. have gone
10. Her character is different..... mine.
A. for B. of C. from D. to
11. I haven't got meat left for dinner.
A. at B. some C. any D. no
12. There are bottles of milk in the fridge.
A. any B. lot of C. much D. many
13. Khleang Pagoda in Soc Trang _____ of wood in 1533.
A. was made B. is made C. made D. makes
14. Classical music is not pop and rock.
A. as exciting so B. as exciting as C. more exciting as D. the most exciting as
15. The Temple of Literature by thousands of people every year.
A. is visit B. is visited C. was visited D. were visited
16. My dream is to become a musician and my brother's _____.
A. are either B. is either C. is too D. are too
17. _____ cartons of milk do you drink every day?
A. How many B. How much C. How often D. How
18. There is _____ bread and milk in the fridge, but there isn't _____ orange juice, I think.
A. some – some B. some – any C. a – an D. some – an
19. I can't go out tonight and Hue _____.
A. is too B. can too C. can't either D. isn't either
20. How many _____ did you buy yesterday?

A. cheese

B. bottles of cooking oil

C. Egg

D. All are correct

IV. Choose the word or phrase that needs correcting

1. My father hates drive motorbike to work in the morning.

A B C D

2. I go to the beach with Staney and Peter next week.

A B C D

3. He has a toothache, and he still eats a lot of sweet things.

A B C D

4. Peter and Ann has bought a new car for about 2 weeks. It is so nice.

A B C D

5. How much sandwiches do you want to buy? - Just two.

A B C D

6. I haven't heard some news about the accidents.

A B C D

7. Huong Pagoda were visited by my mother and her friends last month.

A B C D

8. My sister doesn't want another ice-cream and I do either.

A B C D

9. The author of this novel is the same like that one.

A B C D

10. This movie is not more interesting as the one we saw last week.

A B C D

V. Change these sentences into the present passive:

1- Mr Hai delivers the letters everyday.

2- The children often buy the tickets at the box office.

3- They usually finish their homework before bed time.

4- The teacher corrects our exercises today.

5- We often watch the shows of music on TV.

6- The workers clean the streets everyday.

7- People speak English all over the world.

8- They don't use this house very often.

9- Do they teach French in this school?

10- They make a lot of beautiful toys from recycled plastic.

VI- Change the sentences into the past passive.

1- He watched a soccer match last night.

2- They wrote many new words yesterday.

3- He left the letter on the desk some minutes ago.

- 4- They built this house more than one hundred years ago.
- 5- Viet Nam exported million tons of rice in 2008.
- 6- We celebrated their Lunar NewYear happily last year.
- 7- Nam visited his friends two weeks ago.
- 8- They didn't see you at the party last night.
- 9- My mother bought a new bike for me last month.
- 10- My mother took us to the movies last week.

VII. Choose the correct answer to complete the passage

Vietnamese people may (1)_____ to drink at coffee shops or pubs on weekdays (2)_____ their friends after work. Some of them invite their friends to drink at their homes on weekends. In the past, the Vietnamese usually (3)_____ home-made alcohol such as "ruou gao" or "ruou de". Then, they started to drink beer or imported wines.

Vietnamese people know about the damage of drinking alcohol, but they still drink. More Vietnamese people (4)_____ their free time outside their homes such as cinemas, theatres or coffee shops. The number of places for entertainment has increased in big cities. However, more young people use their free time to study or attend clubs or centres for improving (5)_____ such as communications, presentation and team working.

- | | | | |
|-----------------|-------------|---------------|------------|
| 1. A. go | B. go out | C. go on | D. go away |
| 2. A. for | B. of | C. with | D. to |
| 3. A. drink | B. drinking | C. to drink | D. drank |
| 4. A. spend | B. take | C. come | D. waste |
| 5. A. knowledge | B. skills | C. experience | D. memory |

VIII. Rewrite these sentences as directed

1. I didn't go to school because I was sick. (so)
.....
2. It will be good if you eat less meat and more vegetables.
You should
3. He likes playing computer games in his free time.
His hobby is
4. I enjoy watching TV in the evening.
I am
5. I think that learning English is important.
I find
6. What is the price of a plate of fried rice?
How

7. The blue dress is cheaper than the red one.
The red dress isn't
8. Reading is more boring than watching TV.
Watching TV is
9. I bought two kilos of beef yesterday. (Make a question for the underlined parts)
.....
10. There are five art galleries in my city. (Make a question for the underlined parts)
.....
11. My dad has a lot of carved eggs. He has never sold any of them. (but)
.....
12. It/ be/ good idea/ eat/ different/ kind/ fruit/ vegetable/ every day. (Complete the sentences)
.....
13. My brother/ not like/ ice-skating/ because/ think/ it/ dangerous. (Complete the sentences)
.....
14. My grandfather doesn't like football. My father doesn't like football. (either)
.....
15. She started to work for this volunteer organization in 2010.
She has.....
16. The teacher has taught these students for three years.
The teacher began
17. Jane loves classical music, but John loves rock music. (different)
Jane' favorite kind of music
18. I/ pop/ much/ like/ don't/music/ but/ music/ I/ like/ classical/ it/ as/ as. (**Reorder the words to make a meaningful sentence**)
.....
19. They often go to the library on Sunday afternoon. He often goes to the library on Sunday afternoon. (too)
.....
20. This bridge is about 800m long. That one is about 800m long, too. (as)
This bridge is
-

MÔN LỊCH SỬ

I. PHẠM VI ÔN TẬP:

- Chương II. Nước Đại Việt thời Lý (Thế kỉ XI- XII)
- Chương III. Nước Đại Việt thời Trần (Thế kỉ XIII- XIV)

II. NỘI DUNG ÔN TẬP

Câu 1: Hoàn thành bảng sau

	Nhà Lý	Nhà Trần
<i>Hoàn cảnh thành lập</i>		
<i>Tên nước</i>		
<i>Kinh đô</i>		
<i>Chống quân xâm lược</i>		
<i>Chủ trương đánh giặc</i>		
<i>Chiến thắng tiêu biểu</i>		

Câu 2. Trình bày nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống Mông – Nguyên

Câu 3. Hoàn thành bảng thống kê tìm hiểu kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học- kĩ thuật thời Lý- Trần

	Nhà Lý	Nhà Trần
<i>Kinh tế</i>		
<i>Văn hóa</i>		
<i>Giáo dục</i>		
<i>Khoa học- kĩ thuật</i>		

Câu 4. Nêu những nét chính về pháp luật, quân đội thời Trần. Pháp luật dưới thời nhà Trần có điểm mới gì so với thời Lý?

	Nhà Lý	Nhà Trần
<i>Quân đội</i>		
<i>Luật pháp</i>		

I. PHẠM VI ÔN TẬP

1. Ô nhiễm môi trường ở đới ôn hòa.
2. Môi trường hoang mạc.
3. Môi trường đới lạnh.
4. Môi trường vùng núi.
5. Thiên nhiên châu Phi.

II. NỘI DUNG ÔN TẬP

Câu 1. Hãy cho biết hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả của việc ô nhiễm không khí và ô nhiễm môi trường nước ở đới ôn hoà.

	Hiện trạng	Nguyên nhân	Hậu quả
Ô nhiễm không khí			
Ô nhiễm nguồn nước			

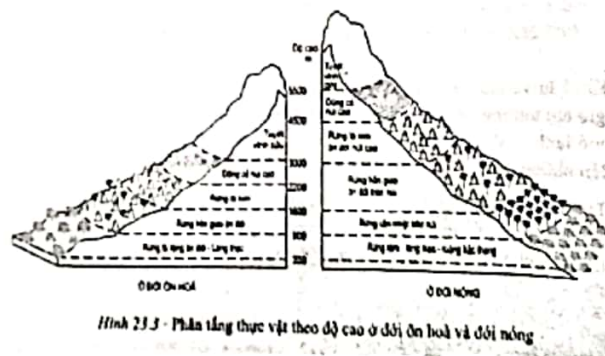
Câu 2. Môi trường hoang mạc có đặc điểm gì? Động vật, thực vật ở hoang mạc thích nghi với môi trường khắc nghiệt, khô hạn như thế nào?

Câu 3. Chỉ ra những nguyên nhân của sự mở rộng của hoang mạc và nêu một số biện pháp đang được sử dụng để khai thác hoang mạc và hạn chế quá trình mở rộng hoang mạc trên thế giới?

Câu 4. Hãy nêu đặc điểm của môi trường đới lạnh. Sự thích nghi của thực vật và động vật?

Câu 5.

- a. Hãy nêu đặc điểm của môi trường vùng núi?
- b. Quan sát hình dưới đây và nhận xét về sự thay đổi của các vành đai thực vật ở vùng núi đới nóng và vùng núi đới ôn hòa. Giải thích.



Câu 6.

- a. Nêu đặc điểm về vị trí địa lý, địa hình và khoáng sản của châu Phi ?

b. Vì sao châu Phi lại là châu lục nóng và có diện tích hoang mạc lớn trên Thế giới ?

.....

MÔN GD&CD

I. Phạm vi ôn tập: Học sinh ôn tập các bài sau:

Bài 4. Đạo đức và kỷ luật

Bài 5, 7. Đoàn kết- Nhân ái

Bài 8. Khoan dung

Bài 9. Xây dựng gia đình văn hóa

III. Nội dung ôn tập

	Khái niệm	Biểu hiện	Ý nghĩa	Cách rèn luyện
Đạo đức và kỷ luật				
Yêu thương con người				
Đoàn kết- tương trợ				
Khoan dung				
Xây dựng gia đình văn hóa				

.....

MÔN ÂM NHẠC

1. Ôn tập bài hát:

+ Khúc hát chim sơn ca.

+ Chúng em cần hòa bình.

2. Ôn tập TĐN số 4,5.

3.

.....

MÔN MĨ THUẬT
Chủ đề 5: Cuộc sống quanh em

1. Kí họa dáng người
 2. Thề hiện tranh đề tài: cuộc sống quanh em
-

MÔN THỂ DỤC

- Ôn TTTC (Cầu lông)
 - Ôn chạy bền
-

Ghi chú: Các con làm đề cương ôn tập theo sự hướng dẫn của các thầy cô. Sau đó các thầy cô chấm, chữa. Các con ôn tập kĩ các nội dung đã được ôn tập. Chúc các con làm bài kiểm tra cuối kì I thật tốt và sẵn sàng tâm thế bước vào học kì II năm học 2021 – 2022, chiến thắng mọi khó khăn do dịch bệnh Covid 19 gây ra.

Ban Giám Hiệu

Nguyễn Thị Bích Hồng

Tổ trưởng tổ KHXH

Đào Thị Khanh

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I- KHỐI 7
NĂM HỌC 2021-2022

MÔN TOÁN

A. PHẠM VI ÔN TẬP

*Đại số:

- Các câu hỏi ôn tập chương I: Số hữu tỉ, số thực (trang 46)
- Các câu hỏi ôn tập chương II: Hàm số và đồ thị (trang 76)

*Hình học:

- Các câu hỏi ôn tập chương I: Đường thẳng vuông góc. Đường thẳng song song (trang 102, 103)
- Các câu hỏi ôn tập chương II: Tam giác (trang 139)

B. BÀI TẬP THAM KHẢO

Dạng 1: Thực hiện phép tính (hợp lý nếu có thể)

Bài 1: Thực hiện phép tính (hợp lý nếu có thể)

a) $\frac{7}{8} \cdot \frac{2}{9} + \frac{7}{8} \cdot \frac{7}{9} - \frac{5}{36}$

b) $\frac{1}{4} - \frac{5}{6} + \frac{3}{4} + \frac{5}{6} - \frac{2}{3}$

c) $\left(-\frac{1}{3}\right)^2 \cdot \frac{4}{11} + \frac{7}{11} \cdot \left(-\frac{1}{3}\right)^2$

d) $\left(\frac{-4}{8}\right)^3 : 0,75 - \sqrt{\frac{49}{169}}$

e) $\left(\frac{3}{4} - 1\frac{1}{6}\right)^2 : \sqrt{\frac{25}{144}}$

f) $B = \left(\frac{1}{2} - \frac{1}{3}\right) - \left(\frac{5}{3} - \frac{3}{2}\right) + \left(\frac{7}{3} - \frac{5}{2}\right)$

g) $E = 4\left(\frac{-1}{2}\right)^2 + \left|-1\frac{1}{2} + \sqrt{\frac{9}{4}}\right| : \sqrt{25}$

h) $H = \left(\frac{-1}{2}\right)^2 \cdot \sqrt{16} - 3^2 \cdot \sqrt{0,01} + (2^2)^2$

i*) $L = \frac{4^{10} + 8^4}{4^5 + 8^6}$

k*) $M = \frac{4^{20} - 2^{20} + 6^{20}}{6^{20} - 3^{20} + 9^{20}}$

Dạng 2: Tìm x, biết

Bài 2: Tìm x, biết

a) $\frac{15}{8} - x = \sqrt{\frac{9}{16}}$

b) $\left|x - \frac{2}{3}\right| = \frac{1}{3}$

c) $(3-x)^3 = \frac{-27}{64}$

d) $(x+1)^2 = \frac{25}{144}$

e*) $\frac{2-3x}{x-2} = -1\frac{2}{5}$

Dạng 3. Áp dụng tỉ lệ thức và dãy tỉ số bằng nhau để tìm x, y, z (nếu có)

Bài 3: Tìm x, y, z, biết:

a) $\frac{x}{2} = \frac{y}{3}; x + y = 40$

b) $\frac{x}{y} = \frac{5}{4}; 2x - y = 18$

c) $\frac{x}{8} = \frac{y}{4} = \frac{z}{3}; x - y + z = 28$

d) $\frac{x}{7} = \frac{y}{3} = \frac{z}{4}; 2x - 3y - z = 10$

e) $\frac{x}{5} = \frac{y}{6}; \frac{y}{8} = \frac{z}{7}; x + y - z = 69$

g*) $\frac{x-1}{2} = \frac{y-2}{3} = \frac{z-3}{4}; 2x + 3y - z = 50$

Dạng 4. Bài toán thực tế

- Bài 4:** Cho $\triangle ABC$ có $\hat{A}, \hat{B}, \hat{C}$ lần lượt tỉ lệ với 4; 6; 8. Tìm số đo mỗi góc.
- Bài 5:** Có 5 người cùng làm một công việc thì hoàn thành trong 6 ngày. Hỏi có 15 người (với cùng năng suất đó) thì hoàn thành công việc trong mấy ngày?
- Bài 6:** Một lớp học có 35 học sinh gồm giỏi, khá, trung bình. Số học sinh giỏi, khá, trung bình lần lượt tỉ lệ với 2; 4 và 1. Tìm số học sinh mỗi loại.
- Bài 7:** Hai ô tô cùng đi từ A đến B. Vận tốc của xe I là 60km/h và vận tốc của xe II là 40km/h. Biết thời gian đi của xe I ít hơn của xe II là 30 phút. Tính quãng đường AB.
- Bài 8:** Ba đội máy cày có 33 máy cày ba cánh đồng cùng diện tích. Đội thứ nhất cày xong trong 2 ngày, đội thứ hai cày xong trong 4 ngày, đội thứ ba trong 6 ngày. Hỏi mỗi đội có bao nhiêu máy?

Dạng 5. Các dạng toán hình học

Bài 9: Cho tam giác ABC có $AB < AC$ và tia phân giác của $\hat{A}$ cắt BC tại D. Trên cạnh AC lấy điểm E sao cho $AE = AB$

- Chứng minh $\triangle ABD = \triangle AED$
- Chứng minh $DB = DE$
- Gọi K là giao điểm của AB và ED. Chứng minh $\widehat{AKE} = \widehat{ACB}$
- Chứng minh $\triangle KBE = \triangle CEB$

Bài 10: Cho tam giác ABC có $AB = AC$. Gọi I là trung điểm của AB.

- Chứng minh $\triangle ABI = \triangle ACI$
- Chứng minh $AI \perp BC$
- Trên tia đối của tia IA lấy điểm D sao cho $IA = ID$. Chứng minh $AB \parallel CD$

Bài 11: Cho tam giác ABC có $\hat{A} = 90^\circ$. Trên cạnh BC lấy điểm E sao cho $BE = BA$. Tia phân giác của $\hat{B}$ cắt AC tại D

- Chứng minh $\triangle ABD = \triangle EBD$ và $DE \perp BC$
- Gọi F là giao điểm của AB và DE. Chứng minh $\triangle BFD = \triangle BCD$
- Gọi I là trung điểm của CF. Chứng minh ba điểm B, D, I thẳng hàng

Bài 12: Cho tam giác ABC có $\hat{B} = \hat{C}$. Phân giác của $\hat{A}$ cắt cạnh BC tại D. Kẻ $DE \perp AB$ tại E, $DF \perp AC$ tại F

- Chứng minh $AE = AF$
- Chứng minh AD là trung trực của BC, từ đó chứng minh $EF \parallel BC$
- Lấy điểm M và N sao cho E, F lần lượt là trung điểm của DM, DN. Chứng minh $AM = AN$

Dạng 6. Một số bài nâng cao (dành cho HSK-G)

Bài 13: Tìm x thỏa mãn:

$$a, (x-5)^{x+2014} = (x-5)^{x+2015} \quad b, \frac{x-1}{2014} + \frac{x-2}{2013} + \frac{x-3}{2012} = \frac{x-10}{2005} + \frac{x-11}{2004} + \frac{x-12}{2003}$$

Bài 14: Cho $a, b, c, d \neq 0$, $b^2 = ac, c^2 = bd, b^3 + c^3 + d^3 \neq 0$. Chứng minh $\frac{a^3 + b^3 + c^3}{b^3 + c^3 + d^3} = \frac{a}{d}$

Bài 15: Tìm giá trị nhỏ nhất của các biểu thức sau:

$$a) A = |2x-3| - 2014 \quad b) C = |x-2013| + |x-2014|$$

.....

Câu 1: Vì sao ta nhìn thấy một vật?

- A. Vì ta mở mắt hướng về phía vật
- B. Vì mắt ta phát ra các tia sáng chiếu lên vật
- C. Vì có ánh sáng từ vật truyền vào mắt ta
- D. Vì vật được chiếu sáng

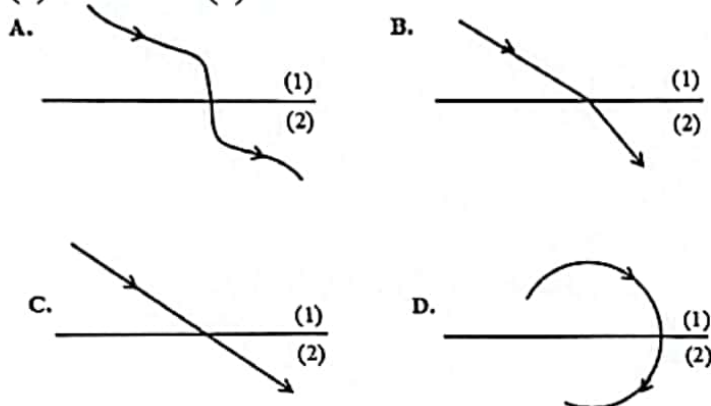
Câu 2: Ban ngày trời nắng, dùng một gương phẳng hứng ánh sáng mặt trời, rồi xoay gương chiếu ánh nắng qua cửa sổ vào trong phòng. Gương đó có phải nguồn sáng không? Tại sao?

- A. Là nguồn sáng vì có ánh sáng từ gương chiếu vào phòng
- B. Là nguồn sáng vì gương hắt ánh sáng Mặt trời chiếu vào phòng
- C. Không là nguồn sáng vì gương chỉ chiếu ánh sáng theo một hướng
- D. Không phải là nguồn sáng vì gương không tự phát ra ánh sáng

Câu 3: Vật nào dưới đây không phải là nguồn sáng?

- A. Mặt trời
- B. Ngọn nến đang cháy
- C. Con đom đóm lập lòe
- D. Tờ giấy

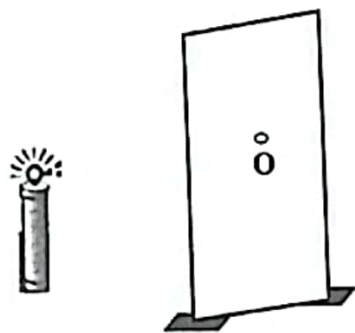
Câu 4: Trong hình 2.3, hình nào vẽ đúng đường truyền ánh sáng từ không khí (1) vào nước (2)?



Câu 5: Trong trường hợp nào dưới đây, ánh sáng truyền theo phương thẳng?

- A. trong môi trường trong suốt
- B. đi từ môi trường trong suốt này sang môi trường trong suốt khác
- C. trong môi trường đồng tính
- D. trong môi trường trong suốt và đồng tính

Câu 6: Đặt một bóng đèn pin đang bật sáng trước một tấm bìa có đục một lỗ nhỏ O. Phải đặt mắt ở vị trí nào bên kia tấm bìa để có thể nhìn thấy dây tóc bóng đèn



- I
• H
• K
• L
- A. ở I
B. ở H
C. ở K
D. ở L

Câu 7: Chùm sáng do dây tóc bóng đèn pin (đèn đang bật sáng) phát ra có tính chất nào sau đây?

- A. song song B. phân kì C. hội tụ D. đầu tiên hội tụ sau đó phân kì

Ứng dụng định luật truyền thẳng của ánh sáng

Câu 1: Đứng trên mặt đất, trường hợp nào dưới đây ta thấy có nhật thực?

- A. Ban đêm, khi Mặt Trời bị nửa kia của Trái Đất che khuất nên ánh sáng Mặt trời không đến được nơi ta đứng.
B. Ban ngày, khi Mặt Trăng che khuất Mặt Trời, không cho ánh sáng mặt trời chiếu xuống mặt đất nơi ta đứng.
C. Ban ngày, khi Trái Đất che khuất Mặt Trăng.
D. Ban đêm, khi Trái Đất che khuất Mặt trăng.

Câu 2: Đứng trên mặt đất, trường hợp nào ta thấy nguyệt thực?

- A. Ban đêm, khi nơi ta đứng không nhận được ánh sáng Mặt Trời.
B. Ban đêm, khi Mặt Trăng không nhận được ánh sáng Mặt Trời vì bị Trái Đất che khuất.
C. Mặt Trời che khuất Mặt Trăng, không cho ánh sáng từ Mặt Trăng tới Trái Đất.
D. khi mặt trăng che khuất Mặt Trời, ta chỉ nhìn thấy phía sau Mặt Trăng tối đen.

Câu 3: Nguyên nhân nào dẫn đến hiện tượng nhật thực?

- A. mặt trời ngừng phát ra ánh sáng B. mặt trời bỗng nhiên biến mất
C. mặt trời bị mặt trăng che khuất nên ánh sáng Mặt Trời không đến được mặt đất
D. người quan sát đứng ở nửa sau Trái Đất, không được Mặt Trời chiếu sáng

Câu 4: Ta quan sát thấy gì khi nơi ta đứng trên mặt đất nằm trong bóng tối của Mặt Trăng?

- A. trời bỗng sáng bừng lên
B. xung quanh mặt trăng xuất hiện cầu vồng
C. phần sáng của mặt trăng bị thu hẹp dần rồi mất hẳn
D. trời bỗng tối sầm như Mặt Trời biến mất

Câu 5: Đặt một ngọn nến trước một màn chắn sáng. Để mắt trong vùng bóng nửa tối, ta quan sát ngọn nến thấy có gì khác so với khi không có màn chắn?

- A. ngọn nến sáng yếu hơn
- B. ngọn nến sáng mạnh hơn
- C. không có gì khác
- D. chỉ nhìn thấy một phần của ngọn nến

Định luật phản xạ ánh sáng

Câu 1: Chiếu một tia sáng lên một gương phẳng ta thu được một tia phản xạ tạo với tia tới một góc 40° . Góc tới có giá trị nào sau đây?

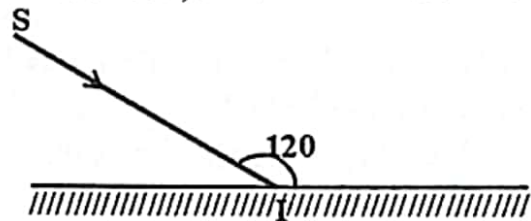
- A. 20°
- B. 80°
- C. 40°
- D. 60°

Câu 2: Chiếu một tia sáng SI lên một gương phẳng, ta thu được một tia phản xạ IR tạo với tia tới một góc 60° (hình 4.4). Tìm giá trị của góc tới i và góc phản xạ r .

- A. $i = r = 60^\circ$
- B. $i = r = 30^\circ$
- C. $i = 20^\circ, r = 40^\circ$
- D. $i = r = 120^\circ$

Câu 3: Một tia tới tạo với mặt gương một góc 120° như ở hình. Góc phản xạ r có giá trị nào sau đây?

- A. $r = 120^\circ$
- B. $r = 60^\circ$
- C. $r = 30^\circ$
- D. $r = 45^\circ$



Câu 4: Chiếu một tia sáng SI lên một gương phẳng, tia phản xạ thu được nằm trong mặt phẳng nào?

- A. mặt gương
- B. mặt phẳng vuông góc với tia tới và mặt gương
- C. mặt phẳng vuông góc với tia tới
- D. mặt phẳng tạo bởi tia tới và pháp tuyến với gương ở điểm tới

Ảnh của một vật tạo bởi gương phẳng

Câu 1: Nói về tính chất ảnh của một vật tạo bởi gương phẳng, câu phát biểu nào dưới đây là đúng?

- A. Hứng được trên màn và lớn bằng vật
- B. Không hứng được trên màn và bé hơn vật
- C. Không hứng được trên màn và lớn bằng vật
- D. Hứng được trên màn và lớn hơn vật

Câu 2: Vì sao ta đặt màn hứng ảnh tại vị trí ảnh ảo S' của điểm sáng S do gương phẳng tạo ra mà không hứng được ảnh trên màn?

A. Vì ảnh ảo là nguồn sáng. B. Vì chùm tia phản xạ là chùm phân kì không hội tụ trên màn.

C. Vì ảnh ảo là vật sáng.

D. Vì khoảng cách từ ảnh đến gương bằng khoảng cách từ vật đến gương.

Câu 3: Cho điểm sáng S trước gương phẳng cách ảnh S' của nó qua gương một khoảng 42cm. Ảnh S' của S tạo bởi gương phẳng nằm cách gương một khoảng:

A. 20cm B. 45cm C. 21cm D. 42cm

Câu 4: Một người cao 1,6m đứng trước gương phẳng, cho ảnh cách gương 1,5m. Hỏi ảnh của người đó trong gương cách gương một khoảng bằng bao nhiêu?

A. 3m B. 3,2m C. 1,5m D. 1,6m

Gương cầu lõm - Gương cầu lồi

Câu 1: Câu phát biểu nào dưới đây là đúng khi nói về tính chất ảnh của một vật tạo bởi gương cầu lồi?

A. không hứng được trên màn, nhỏ hơn vật.

B. hứng được trên màn, nhỏ hơn vật.

C. hứng được trên màn, bằng vật.

D. không hứng được trên màn, bằng vật.

Câu 2: Trên xe ô tô, người ta gắn gương cầu lồi để cho người lái xe quan sát được các vật ở phía sau có lợi gì hơn là dùng gương phẳng?

A. ảnh nhìn thấy trong gương cầu lồi rõ hơn trong gương phẳng.

B. ảnh nhìn thấy trong gương cầu lồi to hơn trong gương phẳng.

C. vùng nhìn thấy của gương cầu lồi lớn hơn vùng nhìn thấy của gương phẳng có cùng kích thước.

D. vùng nhìn thấy của gương cầu lồi sáng rõ hơn vùng nhìn thấy của gương phẳng.

Câu 3: Đặt hai viên pin giống hệt nhau trước một gương cầu lồi và một gương phẳng. Kết luận nào sau đây là đúng khi so sánh kích thước ảnh của viên pin tạo bởi gương cầu lồi và gương phẳng?

A. ảnh của gương cầu lồi nhỏ hơn ảnh của gương phẳng

B. ảnh của gương cầu lồi bằng ảnh của gương phẳng

C. ảnh của gương cầu lồi lớn hơn ảnh của gương phẳng

D. không thể so sánh được

Câu 4: Ảnh ảo của vật tạo bởi gương cầu lõm có những tính chất nào dưới đây?

A. lớn bằng vật

B. lớn hơn vật

C. nhỏ hơn vật

D. nhỏ hơn ảnh tạo bởi gương cầu lồi

Câu 5: Chiếu một chùm tia tới song song lên một gương cầu lõm, ta thu được một chùm tia phản xạ có tính chất nào dưới đây?

- A. Song song B. Hội tụ C. phân kì D. không truyền theo đường thẳng

Câu 6: Khi không có pha đèn?

- A. Vì pha đèn phản xạ được ánh sáng.
B. Vì pha đèn có thể hội tụ ánh sáng tại một điểm ở xa.
C. Vì pha đèn làm cho ánh sáng mạnh thêm.
D. Vì pha đèn có thể tạo ra một chùm phản xạ song song.

Câu 7: Trong ba loại gương (gương cầu lồi, gương phẳng, gương cầu lõm), gương nào cho ảnh ảo của cùng một vật lớn hơn? Xếp theo thứ tự tăng dần từ trái sang phải?

- A. gương phẳng, gương cầu lõm, gương cầu lồi.
B. gương cầu lõm, gương cầu lồi, gương phẳng.
C. gương cầu lõm, gương phẳng, gương cầu lồi.
D. gương cầu lồi, gương phẳng, gương cầu lõm.

Nguồn âm

Câu 1: Khoanh tròn vào câu mà em cho là đúng: Âm thanh được tạo ra nhờ.....

- A. nhiệt B. điện C. ánh sáng D. dao động

Câu 2: Vật phát ra âm trong các trường hợp nào dưới đây?

- A. khi kéo căng vật. B. khi uốn cong vật.
C. khi nén vật. D. khi làm vật dao động.

Câu 3: Hãy chỉ ra bộ phận dao động phát ra "nốt nhạc" khi gảy dây đàn ghita

- A. Khi gảy đàn ghita, dây đàn và không khí trong hộp đàn dao động phát ra các "nốt nhạc"
B. Khi gảy đàn ghita, không khí trong hộp đàn dao động phát ra các "nốt nhạc"
C. Khi gảy đàn ghita, không có bộ phận nào phát ra âm
D. Khi gảy đàn ghita, dây đàn không dao động và không khí trong hộp đàn dao động phát ra các "nốt nhạc"

Câu 4: Khi bác bảo vệ gõ trống, tai ta nghe thấy tiếng trống. Vật nào đã phát ra âm đó?

- A. Tay bác bảo vệ gõ trống B. Dùi trống
C. Mặt trống D. Không khí xung quanh trống

Câu 5: Khi nhạc sĩ chơi đàn ghita, ta nghe thấy tiếng nhạc, vậy đâu là nguồn âm?

- A. tay bấm dây đàn B. tay gảy dây đàn C. hộp đàn D. dây đàn

Câu 6: Khi trời mưa dông, ta thường nghe tiếng sấm. Vậy vật nào đã dao động phát ra tiếng sấm?

- A. các đám mây va chạm vào nhau nên đã dao động phát ra tiếng sấm.
B. các tia lửa điện khổng lồ dao động gây ra tiếng sấm.

C. không khí xung quanh tia lửa điện đã bị dẫn nỡ đột ngột khiến chúng dao động gây tiếng sấm.

D. cả ba lí do trên.

Câu 7: Khi gõ tay xuống mặt bàn, ta nghe thấy âm. Trong những hợp này, vật nào đã dao động phát ra âm?

A. mặt bàn dao động phát ra âm.

B. tay ta gõ vào bàn nên tay đã dao động phát ra âm.

C. cả tay và mặt bàn đều dao động phát ra âm.

D. lớp không khí giữa tay ta và mặt bàn dao động phát ra âm.

Câu 8: Ta nghe tiếng hát ca sĩ trên tivi. Vậy đâu là nguồn âm ?

A. người ca sĩ phát ra âm.

B. sóng vô tuyến truyền trong không gian dao động phát ra âm.

C. màn hình tivi dao động phát ra âm.

D. màng loa tivi dao động phát ra âm.

Câu 9: Hộp đàn trong các đàn ghita, violông, măngđôlin, ...có tác dụng gì là chủ yếu ?

A. Để tạo kiểu dáng cho đàn.

B. Để khuếch đại âm do dây đàn phát ra.

C. Để người nhạc sĩ có chỗ tì khi đánh đàn.

D. Để người nhạc sĩ có thể vỗ vào hộp đàn khi cần thiết.

Độ cao của âm

Câu 1: Vật phát ra âm cao hơn khi nào ?

A. khi vật dao động mạnh hơn
chậm hơn

B. khi vật dao động

C. khi vật lệch ra khỏi vị trí cân bằng nhiều hơn
hơn

D. khi tần số dao động lớn

Câu 2: Khi bay, nhiều con vật vỗ cánh phát ra âm. Con muỗi thường phát ra âm cao hơn con ong đất. Trong hai con trùng này, con nào vỗ cánh nhiều hơn?

A. Con ong đất

B. Con muỗi

C. Hai con vỗ cách như nhau

D. Một đáp án khác

Câu 3: Vật nào sau đây dao động với tần số lớn nhất ?

A. trong một giây, dây đàn thực hiện được 200 dao động.

B. trong một phút, con lắc thực hiện được 3000 dao động.

C. trong 5 giây, mặt trống thực hiện được 500 dao động.

D. trong 20 giây, dây chun thực hiện được 1200 dao động.

Câu 4: Khi nào ta nói, âm phát ra trầm ?

A. Khi âm phát ra với tần số cao

B. Khi âm phát ra với tần số thấp

C. Khi âm nghe to

D. Khi âm nghe nhỏ

Câu 5: Bằng cách quan sát và lắng nghe dây đàn dao động khi ta lên dây đàn, ta có thể có kết luận nào sau đây? Khi gảy đàn, nếu:

- A. Dây đàn càng căng, thì dây đàn dao động càng nhanh, âm phát ra có tần số càng lớn.
- B. Dây đàn càng căng, thì dây đàn dao động càng chậm, âm phát ra có tần số càng nhỏ.
- C. Dây đàn càng căng, thì dây đàn dao động càng mạnh, âm phát ra nghe càng to.
- D. Dây đàn càng căng, thì dây đàn dao động càng yếu, âm phát ra nghe càng nhỏ.

Độ to của âm

Câu 1: Vật phát ra âm to hơn khi nào?

- A. Khi vật dao động nhanh hơn.
- B. Khi vật dao động mạnh hơn.
- C. Khi tần số dao động lớn hơn.
- D. Cả 3 trường hợp trên.

Câu 2: Điền vào chỗ trống:

Đơn vị đo độ to của âm là ...

Dao động càng mạnh thì âm phát ra ...

Dao động càng yếu thì âm phát ra ...

Câu 3: Biên độ dao động là gì?

- A. là số dao động trong một giây.
- B. là độ lệch của vật trong một giây.
- C. là khoảng cách lớn nhất giữa hai vị trí mà vật dao động thực hiện được.
- D. là độ lệch lớn nhất so với vị trí cân bằng khi vật dao động.

Câu 4: Biên độ dao động của âm càng lớn khi?

- A. vật dao động với tần số càng lớn.
- B. vật dao động với tần số càng nhanh.
- C. vật dao động càng chậm.
- D. vật dao động càng mạnh.

Câu 5: Khi truyền đi xa, đại lượng nào sau đây của âm đã thay đổi?

- A. Vận tốc truyền âm.
- B. Tần số dao động của âm.
- C. Biên độ dao động của âm.
- D. Cả 3 trường hợp trên.

Câu 6: Ngưỡng đau có thể làm điếc tai có giá trị nào sau đây ?

- A. 130dB
- B. 180dB
- C. 100dB
- D. 70dB

Câu 7: Tiếng ồn trong sân trường trong giờ ra chơi có độ to vào cỡ nào sau đây?

- A. 120dB
- B. 50dB
- C. 30dB
- D. 80dB

Câu 8: Độ to của âm phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?

- A. tần số dao động
- B. biên độ dao động
- C. thời gian giao động
- D. tốc độ dao động

Môi trường truyền âm

Câu 1: Âm không thể truyền trong môi trường nào dưới đây?

- A. Khoảng chân không
- B. Tường bê tông
- C. Nước biển
- D. Tầng khí quyển bao quanh trái đất.

Câu 2: Kết luận nào sau đây sai?

- A. Vận tốc âm thanh trong không khí vào khoảng 340km/s.
 B. vận tốc âm thanh trong nước vào khoảng 1,5km/s.
 C. vận tốc âm thanh trong thép vào khoảng 6100m/s.
 D. vận tốc âm thanh trong gỗ vào khoảng 3400m/s.

Câu 3: Những môi trường dưới đây có thể truyền được âm không?

	Có	Không
1. Tường gạch		
2. Nước sôi		
3. Tấm nhựa		
4. Không khí loãng		
5. Chân không		
6. Khí hidro		
7. Sắt nóng chảy		
8. Sàn gỗ		

Câu 4: kết luận nào sau đây là đúng?

- A. Vận tốc âm truyền trong chất khí lớn hơn trong chất lỏng, nhỏ hơn trong chất rắn.
 B. Vận tốc âm truyền trong chất lỏng lớn hơn trong chất khí, nhỏ hơn trong chất rắn.
 C. Vận tốc âm truyền trong chất rắn lớn hơn trong chất lỏng, nhỏ hơn trong chất khí.
 D. Vận tốc âm truyền trong chất khí lớn hơn trong chất lỏng, nhỏ hơn trong chất rắn.

Câu 5: Một người nghe thấy tiếng sét sau tia chớp 5 giây. Hỏi người đó đứng cách nơi xảy ra sét bao xa?

- A. 1700m B. 170m C. 240m D. 1360m

Câu 6: Âm truyền trong không khí, đại lượng nào sau đây không đổi?

- A. Độ cao của âm B. Độ to của âm C. Biên độ của âm D. Cả A, B

Phản xạ âm - Tiếng vang

Câu 1: Tai ta nghe được tiếng vang khi nào?

- A. Khi âm phát ra đến tai sau âm phản xạ.
 B. Khi âm phát ra đến tai gần như cùng một lúc với âm phản xạ.
 C. Khi âm phát ra đến tai trước âm phản xạ.
 D. Cả 3 trường hợp trên đều nghe thấy tiếng vang.

Câu 2: Vật nào dưới đây phản xạ âm tốt?

- A. Miếng xốp B. tấm gỗ C. mặt gương D. đệm cao su

Câu 3: Kết luận nào sau đây là đúng?

- A. Vật phản xạ tốt là những vật có bề mặt sần sùi, gồ ghề.
 B. Vật phản xạ âm kém là những vật có bề mặt nhẵn, cứng.

C. Vật phản xạ âm tốt là những vật có kích thước lớn.

D. Vật phản xạ âm kém là những vật mềm, không nhẵn.

Câu 4: a. Em phải đứng cách xa núi ít nhất bao nhiêu, để tại đó, em nghe được tiếng vang tiếng nói của mình? Biết rằng vận tốc truyền của âm trong không khí là 340 m/s.
b. Để tránh được hiện tượng tiếng vang trong phòng thì phòng phải có kích thước nào sau đây?

A. Nhỏ hơn 11,5m

B. Lớn hơn 11,5m

C. Nhỏ hơn 11,35m

D. Lớn hơn 11,35m

Câu 5: Những vật nào sau đây hấp thụ âm tốt?

A. Thép, gỗ, vải
nhung, dạ

B. Bê tông, sắt, bông

C. Đá, sắt, thép

D. Vải,

Chống ô nhiễm tiếng ồn

Câu 1: Âm nào dưới đây gây ô nhiễm tiếng ồn?

A. Tiếng sấm rền.

B. Tiếng xình xích của bánh tàu hỏa đang chạy.

C. Tiếng sóng biển ầm ầm.

D. Tiếng máy móc làm việc phát ra to, kéo dài.

Câu 2: Vật liệu nào dưới đây thường không được dùng để làm vật ngăn cách âm giữa các phòng?

A. Tường bê tông

B. Cửa kính hai lớp

C. Rèm treo tường

D. Cửa gỗ

Câu 3: Đánh dấu vào ô đúng, sai cho những câu dưới đây:

	Đúng	Sai
1. Siêu âm và hạ âm không gây ô nhiễm tiếng ồn.		
3. Ô nhiễm tiếng ồn gây rối loạn chức năng thần kinh của con người.		
4. Cây xanh vừa phản xạ, vừa hấp thụ âm thanh.		
5. Muốn làm giảm tiếng ồn trong phòng, người ta thường làm trần nhà thật nhẵn.		
6. Sử dụng ô tô bằng điện ít ô nhiễm tiếng ồn hơn sử dụng ô tô chạy bằng xăng.		
7. Những âm thanh có tần số lớn thường gây ô nhiễm tiếng ồn.		
8. Một trong các lí do người ta làm cửa sổ có hai lớp kính là để ngăn chặn tiếng ồn.		

.....

MÔN CÔNG NGHỆ

I. CÁC KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP: Bài 1, 2, 3, 4, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 15, 16

Một số câu hỏi gợi ý

Câu 1. Vì sao phải cải tạo đất? Có những biện pháp nào để cải tạo đất?

Câu 2. Thế nào là bón lót, bón thúc? Những loại phân nào dùng để bón lót, bón thúc? Vì sao?

Câu 3. Nêu vai trò của giống cây trồng và các tiêu chí của giống cây trồng tốt?

Câu 4. Những điều kiện cần thiết để bảo quản hạt giống cây trồng?

Câu 5. Nêu tác hại của sâu bệnh, dấu hiệu thường gặp ở cây bị sâu, bệnh phá hoại?

Câu 6. Nêu nguyên tắc phòng trừ sâu bệnh? Biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại? Ưu nhược điểm của từng biện pháp?

Câu 7. Nêu mục đích của việc làm đất? Các công việc làm đất và tác dụng của từng công việc? Nêu quy trình bón phân lót?

Câu 8. Vì sao phải gieo trồng đúng thời vụ? Xử lí hạt giống nhằm mục đích gì? Nêu ưu, nhược điểm của phương pháp gieo trồng?

II. MỘT SỐ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (THAM KHẢO)

Em hãy chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Đất kiềm là đất có pH là bao nhiêu?

- A. pH nhỏ hơn 6,5
- B. pH từ 6,6 đến 7,5
- C. pH lớn hơn 7,5
- D. pH bằng 6,5

Câu 2: Đất trồng gồm mấy thành phần chính?

- A. Hai thành phần
- B. Ba thành phần
- C. Năm thành phần
- D. Sáu thành phần

Câu 3: Để cây trồng có năng suất cao thì cần có điều kiện gì?

- A. Đất trồng có độ phì nhiêu
- B. Giống tốt
- C. Chăm sóc tốt và điều kiện thời tiết thuận lợi
- D. Cả A, B, C

Câu 4. Đây là phân bón hóa học?

- A. Khô dầu dừa
- B. Cây điền thanh
- C. Phân chuồng
- D. Phân Kali

Câu 5. Sản xuất giống cây trồng có mấy cách?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 6. Côn trùng có mấy kiểu biến thái?

- A. 4
- B. 3
- C. 2
- D. 1

Câu 7. Sản xuất giống cây trồng bằng hạt được áp dụng đối với cây nào?

- A. Ngô
- B. Cam
- C. Chanh
- D. Mía

Câu 8. Dùng tay bắt sâu hay ngắt bỏ cành, lá bị bệnh thuộc loại biện pháp gì?

- A. Biện pháp hóa học
- B. Biện pháp sinh học

C. Biện pháp canh tác

D. Biện pháp thủ công

Câu 9. Đây là biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại gây ô nhiễm môi trường nhiều nhất?

A. Biện pháp canh tác

B. Biện pháp thủ công

C. Biện pháp hóa học

D. Biện pháp sinh học

Câu 10. Quy trình lên luống được tiến hành theo mấy bước?

A. 4

B. 3

C. 2

D. 1

Câu 11: Dùng tay bắt sâu là trừ sâu bệnh bằng biện pháp gì?

A. Biện pháp canh tác và sử dụng giống chống sâu bệnh.

B. Biện pháp sinh học.

C. Biện pháp thủ công.

D. Biện pháp kiểm dịch thực vật.

Câu 12: Trong dãy các loại phân sau, dãy nào gồm toàn các loại phân thuộc nhóm phân hoá học?

A. Phân urê; phân NPK; phân lân.

B. Phân lân; phân heo; phân urê.

C. Phân trâu, bò; bèo dâu; phân kali.

D. Cây muồng muồng; khô dầu dừa; phân NPK.

Câu 13: Sử dụng một số loài sinh vật như nấm, ong mắt đỏ, bọ rùa, chim, ếch ... và các chế phẩm sinh học để diệt sâu hại là biện pháp gì?

A. Biện pháp thủ công.

B. Biện pháp sinh học.

C. Biện pháp hoá học.

D. Biện pháp kiểm dịch thực vật.

Câu 14: Tại sao phải bảo quản nông sản?

A. Hạn chế hao hụt về số lượng và chất lượng nông sản.

B. Đáp ứng các yêu cầu sản xuất nông nghiệp.

C. Đảm bảo chất lượng nông sản ở mức tốt nhất.

D. Đáp ứng yêu cầu về sản lượng nông sản trong vụ mùa.

Câu 15: Loại đất nào sau đây giữ nước tốt nhất?

A. Đất cát pha.

B. Đất sét.

C. Đất cát.

D. Đất thịt.

Câu 16: Loại đất nào sau đây giữ nước và chất dinh dưỡng kém nhất?

A. Đất thịt.

B. Đất cát.

C. Đất cát pha.

D. Đất sét.

Câu 17: Đất trồng là:

A. Do đá núi mùn ra cây nào cũng sống được.

B. Lớp đá xốp trên bề mặt Trái Đất.

C. Kho dự trữ thức ăn của cây.

D. Lớp bề mặt tơi xốp của vỏ Trái Đất, trên đó thực vật có khả năng sinh sống và sản xuất ra sản phẩm.

Câu 18: Bón thúc được thực hiện vào thời gian nào?

A. Trong thời kỳ sinh trưởng, phát triển của cây.

B. Sau khi cây ra hoa.

C. Trước khi gieo trồng.

D. Sau khi gieo trồng.

Câu 19: Côn trùng gây hại có kiểu biến thái hoàn toàn, ở giai đoạn nào chúng phá hoại cây trồng mạnh nhất?

- A. Trứng B. Nhộng. C. Sâu trưởng thành. D. Sâu non

Câu 20: Để cải tạo đất chua người ta dùng:

- A. Phân chuồng. B. Phân lân. C. Phân đạm. D. Vôi.

Câu 21: Vai trò của giống cây trồng là:

- A. Tăng năng suất cây trồng.
B. Tăng chất lượng nông sản.
C. Tăng năng suất, chất lượng nông sản và thay đổi cơ cấu cây trồng.
D. Tăng năng suất, chất lượng nông sản.

Câu 22: Biện pháp thích hợp để cải tạo đất xám bạc màu là:

- A. Làm ruộng bậc thang.
B. Trồng xen cây nông nghiệp giữa các băng cây phân xanh.
C. Cày sâu, bừa kỹ, bón phân hữu cơ.
D. Cày nông, bừa sục, giữ nước liên tục, thay nước thường xuyên.

Câu 23: Trong dãy các loại phân sau, dãy nào gồm toàn các loại phân thuộc nhóm phân hữu cơ?

- A. Nitragin; phân trâu, bò; khô dầu dừa; phân NPK.
B. Cây điền thanh; Phân lân; Phân bắc; Phân NPK.
C. Phân Urê; cây muồng muồng; phân gà; bèo dâu.
D. Phân heo; phân cút; khô dầu đậu tương; phân xanh.

Câu 24: Sản xuất giống cây trồng nhằm mục đích:

- A. Tạo ra nhiều hạt giống phục vụ gieo trồng.
B. Tăng vụ gieo trồng.
C. Tạo ra nhiều hạt giống, cây con giống phục vụ gieo trồng.
D. Tăng năng suất cây trồng.

Câu 25: Một số loại cây trồng bằng cách giâm cành:

- A. Cây cam, cây nghệ, cây gừng. B. Cây mía, cây ốt, cây đậu xanh.
C. Cây mì, cây khoai lang, cây rau ngót. D. Cây chanh, cây bưởi, cây xoài.

Câu 26: Mục đích của việc làm cỏ, vun xới là:

- A. Tạo lớp đất mới trên bề mặt, để bón phân.
B. Tăng chất dinh dưỡng cho đất, cải tạo đất.
C. Diệt cỏ dại, làm đất tơi xốp, hạn chế bốc hơi nước, chống đổ.
D. Làm đất tơi xốp, diệt cỏ dại, sâu bệnh hại.

Câu 27: Thành phần đất trồng gồm:

- A. Phần khí, phần lỏng, chất vô cơ. B. Phần khí, phần rắn, phần lỏng.
C. Phần rắn, chất hữu cơ, chất vô cơ. D. Phần khí, phần lỏng, chất hữu cơ.

Câu 28: Trong các cách sắp xếp về khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng của các loại đất từ tốt đến kém sau, cách sắp xếp nào là đúng?

- A. Đất sét, đất thịt, đất cát. B. Đất thịt, đất sét, đất cát.
C. Đất sét, đất cát, đất thịt. D. Đất cát, đất thịt, đất sét.

Câu 29: Trong trồng trọt, việc xử lý hạt giống mang lại hiệu quả gì?

- A. Kích thích hạt nảy mầm nhanh chóng. B. Có nhiều hạt giống tốt.
C. Tiết kiệm hạt giống khi gieo trồng. D. Loại bỏ những hạt xấu.

Câu 30: Mục đích của làm ruộng bậc thang là:

- A. Giữ nước liên tục, thay nước thường xuyên.
- B. Hạn chế dòng nước chảy, hạn chế được xói mòn, rửa trôi.
- C. Tăng bề dày lớp đất trồng.
- D. Tăng độ che phủ đất.

Câu 31: Phương pháp nào sau đây là phương pháp chọn tạo giống cây trồng?

- A. Lai tạo giống
- B. Giâm cành
- C. Chiết cành
- D. Ghép mắt

Câu 32: Vai trò nào sau đây không phải là vai trò của giống cây trồng trong trồng?

- A. Làm tăng vụ gieo trồng
- B. Làm tăng chất lượng nông sản
- C. Không làm thay đổi cơ cấu cây trồng
- D. Làm tăng năng suất cây trồng

Câu 33: Sản xuất giống cây trồng nhằm mục đích gì?

- A. Tạo ra nhiều hạt giống phục vụ gieo trồng
- B. Tăng năng suất cây trồng
- C. Tạo ra nhiều hạt giống, cây con phục vụ gieo trồng
- D. Tăng vụ gieo trồng

Câu 34: Vòng đời của côn trùng có kiểu biến thái hoàn toàn phải trải qua mấy giai đoạn?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 35: Công việc làm đất nào sau đây có tác dụng làm cho đất tơi xốp, thoáng khí và vùi lấp cỏ dại?

- A. Cày đất
- B. Bừa đất
- C. Đập đất
- D. Lên luống

Câu 36: Thứ tự đúng của quy trình lên luống là:

- A. làm phẳng mặt luống – xác định hướng luống – đánh rãnh, kéo đất tạo luống – xác định kích thước luống
- B. xác định hướng luống – xác định kích thước luống – đánh rãnh, kéo đất tạo luống – làm phẳng mặt luống
- C. xác định hướng luống – xác định kích thước luống – làm phẳng mặt luống – đánh rãnh, kéo đất tạo luống
- D. làm phẳng mặt luống – đánh rãnh, kéo đất tạo luống – xác định kích thước luống – xác định hướng luống

Câu 37: Ngắt bỏ những cành, lá bị bệnh là trừ sâu bệnh bằng biện pháp gì?

- A. Hóa học
- B. Thủ công
- C. Sinh học
- D. Kiểm dịch thực vật

Câu 38: Khi bị sâu, bệnh cây trồng có biểu hiện thế nào?

- A. Biến đổi về hình thái
- B. Tốc độ sinh trưởng tăng
- C. Chất lượng nông sản không thay đổi
- D. Năng suất cây trồng tăng

Câu 39: Thành phần của đất gồm:

- A. Rắn, lỏng, khí
- B. Rắn, chất mùn, khí

C. Khí, chất mùn, lỏng

Câu 40. Vai trò của giống cây trồng là:

- A. Tăng năng suất cây trồng.
- B. Tăng chất lượng nông sản.
- C. Tăng năng suất, chất lượng nông sản.
- D. Tăng năng suất, chất lượng nông sản và thay đổi cơ cấu cây trồng.

Câu 41. Quy trình sản xuất giống cây trồng bằng hạt là:

- A. Phục tráng – Nhân dòng – Nguyên chủng – Siêu nguyên chủng – Giống đại trà.
- B. Phục tráng – Nguyên chủng – Nhân dòng – Siêu nguyên chủng – Giống đại trà.
- C. Phục tráng – Nhân dòng – Siêu nguyên chủng – Nguyên chủng – Giống đại trà.
- D. Phục tráng – Giống đại trà – Nhân dòng – Siêu nguyên chủng – Nguyên chủng.

Câu 42. Tiêu chí giống cây trồng tốt là:

- A. Sinh trưởng mạnh và chất lượng giống tốt.
- B. Năng suất cao và chất lượng giống tốt.
- C. Năng suất và chất lượng ổn định.
- D. Sinh trưởng mạnh, năng suất cao và ổn định, chất lượng tốt và chống chịu được sâu bệnh.

Câu 43. Sử dụng thuốc hoá học để phòng trừ sâu bệnh có những ưu điểm sau:

- A. Diệt sâu bệnh nhanh, ít tốn công
- B. Không làm ô nhiễm môi trường
- C. Không gây độc hại cho người và gia súc
- D. Cả 3 ý trên

Câu 44. Trong các loại phân bón dưới đây, loại phân thuộc nhóm phân hữu cơ là:

- A. Supe lân
- B. Nitragin
- C. Bèo dậu
- D. Phân NPK

Câu 45. Phương pháp nào dưới đây không phải là phương pháp sản xuất giống cây trồng bằng nhân giống vô tính:

- A. Lai tạo giống.
- B. Giâm cành.
- C. Ghép mắt.
- D. Chiết cành.

Câu 46. Các giai đoạn biến thái hoàn toàn của côn trùng gồm:

- A. Trứng – Sâu non – Sâu trưởng thành – Nhộng.
- B. Trứng – Nhộng – Sâu non – Sâu trưởng thành.
- C. Trứng – Sâu non – Nhộng – Sâu trưởng thành.
- D. Sâu non – Sâu trưởng thành – Nhộng – Trứng

Câu 47. Bón lót được thực hiện vào thời gian nào?

- A. Trong thời kỳ sinh trưởng, phát triển của cây.
- B. Trước khi gieo trồng.
- C. Sau khi cây ra hoa.
- D. Sau khi gieo trồng.

Câu 48. Đất kiềm có độ pH:

- A. $pH > 6.5$.
- B. $pH < 6.5$
- C. $pH > 7.5$
- D. $pH = 6.6 - 7.5$

Câu 49. Nếu dùng giống mới gần ngày có tác dụng gì?

- A. Tăng vụ gieo trồng trong năm
- B. Giảm vụ gieo trồng trong năm

C. Không tăng cũng không giảm

D. Cả 3 đều đúng

Câu 50.

- A. Phân bón gồm ba loại : Phân xanh, đạm, vi lượng
- B. Phân bón gồm ba loại : Đạm, lân, kali
- C. Phân bón gồm ba loại : Phân chuồng, phân hóa học, phân xanh
- D. Phân bón gồm ba loại: Phân hữu cơ, phân hóa học, phân vi sinh.

MÔN SINH HỌC

Chương 1: Động vật nguyên sinh

1. Cơ quan di chuyển của trùng roi, trùng giày, trùng biến hình
2. Nêu hình thức sinh sản của trùng roi, trùng giày, trùng biến hình.
3. Nêu đặc điểm phân biệt được trùng roi với thực vật.
4. So sánh được điểm giống và khác nhau trùng roi, trùng giày, trùng biến hình, trùng kiết lị.
5. Giải thích được tại sao trùng roi có thể quang hợp được
6. Đề xuất được biện pháp phòng tránh bệnh kiết lị, bệnh sốt rét.
7. Giải thích được vì sao bệnh sốt rét hay xảy ra ở miền núi .

Chương 2: Ngành ruột khoang

1. Nêu đặc điểm cấu tạo, hình dạng, di chuyển, sinh sản của thủy tức.
2. Nêu lối sống của san hô, hải quỳ, sứa.
3. đặc điểm về sinh sản của san hô, thủy tức.
4. Phân biệt đặc điểm cấu tạo của ruột khoang và ĐVNS.
5. Ý nghĩa tầng keo của thủy tức.
6. Phân biệt lối sống của hải quỳ và san hô.
7. Biện pháp phòng chống độc khi tiếp xúc ruột khoang.

Chương 3: Các ngành giun

1. Nơi kí sinh của sán lá gan, giun đũa, giun kim, giun rế lúa, sán dây trong cơ thể vật chủ.
2. Vì sao sán lá gan được xếp vào ngành giun dẹp.
3. Đặc điểm của giun, sán thích nghi với đời sống kí sinh.
4. Điểm khác nhau cơ bản của sán lá gan và giun đũa.
5. Đặc điểm giúp giun đũa chui được vào ống mật.
6. Giải thích tại sao giun dẹp thường kí sinh ở ruột, máu, rế lúa...
7. vì sao giun dẹp không bị tiêu hóa bởi dịch tiêu hóa của người
8. Đề xuất các biện pháp phòng giun sán kí sinh.
9. Giải thích được vì sao y học khuyên chúng ta nên tẩy giun 1-2 lần trong 1 năm
10. Ý nghĩa sinh học về cơ thể giun cái lớn hơn giun đực
11. Giải thích được vì sao tỉ lệ mắc giun đũa ở nước ta còn ở mức cao.

Chương 4: Ngành thân mềm

1. Đặc điểm cấu tạo, sinh sản của trai sông
2. vai trò và tập tính của ngành thân mềm.
3. Đặc điểm chung và vai trò của ngành thân mềm

Chương 5: Ngành chân khớp.

1. Cấu tạo, dinh dưỡng, di chuyển, sinh sản của tôm sông, nhện, châu chấu.
2. Đa dạng đặc điểm chung và vai trò của lớp giáp xác, hình nhện và sâu bọ.

MÔN TIN HỌC

Câu 1: Giả sử có một công việc được trả công theo giờ, mỗi giờ 80000 đồng (hình sau)

	A	B
1		
2	Đơn giá	80000
3	Số giờ làm	9
4	Số tiền nhận được	=80000*9
5	Số tiền nhận được	=B2*B3

Kết quả tại ô B4, B5 là bao nhiêu? Một trong hai công thức có ích hơn công thức còn lại. Em cho biết đó là công thức nào? Tại sao?

Câu 2: Giả sử trong ô A1, B1, C1 lần lượt là -70, 8, 120. Kết quả của hàm =Sum(A1:C1) bằng bao nhiêu?

Câu 3: Giả sử trong ô A1, B1, C1 lần lượt là 60, 8, 11. Kết quả của hàm =Sum(A1:C1) bằng bao nhiêu?

Câu 4: Giả sử trong ô A1, B1, C1, D1 lần lượt là 9, 30, 12, 2. Kết quả của hàm =Average(A1:D1) bằng bao nhiêu?

Câu 5: Giả sử trong ô A1, B1, C1, D1 lần lượt là 60, 30, 12, 20. Kết quả của hàm =Max(A1:D1) bằng bao nhiêu?

Câu 6: Giả sử trong ô A1, B1, C1, D1 lần lượt là 50, -30, 12, 20. Kết quả của hàm =Min(A1:D1) bằng bao nhiêu?

Câu 7: Giả sử trong ô A1 là 9. Kết quả của hàm =IF(A1>0,"Dương","Âm") bằng

Câu 8: Các thành phần chính trên trang tính là gì? Mỗi thành phần đó có vai trò gì?

Câu 9: Chức năng chung của chương trình bảng tính là gì?

Bài tập 1: Giả sử có bảng lương công nhân như sau:

	A	B	C	D
1	Bảng lương công nhân			
2		Đơn giá (đồng)	180000	

3	Tên công nhân	Số ngày làm/tháng (ngày)	Tiền lương (đồng)	Xếp loại
4	Tùng	28	(1)	
5	Hải	21	(2)	
6	Trang	25	(3)	
...	...			
13	Tổng chi lương		(4)	

- a) Hãy tính tiền lương cho các công nhân, sao cho khi sao chép công thức tại ô C4 xuống các ô ở phía dưới thì vẫn cho kết quả đúng. Công thức tại ô C4, C5, C6,...C12 là gì?
- b) Các bước sao chép công thức từ C4 xuống các ô phía dưới như thế nào?
- c) Các bước di chuyển công thức từ C13 xuống C14
- d) Dùng hàm thích hợp để tính tổng lương công ty vào ô C7
- e) Công nhân Tùng, Hải, Trang mỗi người nhận được số tiền là bao nhiêu?
- f) Công ty phải chi số tiền là bao nhiêu?
- g) Dùng hàm if để xếp loại công nhân, sao cho khi sao chép công thức từ D4 xuống các ô ở phía dưới thì vẫn cho kết quả đúng? (Nếu số ngày làm từ 26 trở lên thì xếp loại xuất sắc, nếu số ngày làm nhỏ hơn 26 xếp loại đạt, nếu số ngày làm bằng 0 thì xếp loại không đạt)

Bài tập 2. Giả sử có bảng không hiện rõ dữ liệu:

- a) Nêu các bước để điều chỉnh độ rộng cột
- b) Nêu các bước để điều chỉnh độ cao hàng
- c) Nêu các bước thêm cột
- d) nêu các bước thêm hàng
- e) Nêu các bước xóa cột, xóa hàng.

Ghi chú: Các con làm đề cương ôn tập theo sự hướng dẫn của các thầy cô. Sau đó các thầy cô chấm, chữa. Các con ôn tập kĩ các nội dung đã được ôn tập. Chúc các con làm bài kiểm tra cuối kì I thật tốt và sẵn sàng tâm thế bước vào học kì II năm học 2021 – 2022, chiến thắng mọi khó khăn do dịch bệnh Covid 19 gây ra.



Nguyễn Thị Bích Hồng

Tổ trưởng tổ KHTN

Nguyễn Thu Huyền